

QUÁ TRÌNH XÁC LẬP VAI TRÒ TỰ CHỦ CỦA KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TRONG NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (Thời kỳ hiện đại)

Trương Thị Tiến^(*)

Hiện nay, kinh tế hộ nông dân với tư cách là đơn vị kinh tế tự chủ, có vai trò rất quan trọng và có những đóng góp to lớn đối với sự phát triển của kinh tế nông thôn, nông nghiệp. Nhưng trong lịch sử, không phải thời kỳ nào, hộ nông dân cũng có vị trí, vai trò như vậy. Việc xác lập vai trò tự chủ của kinh tế hộ nông dân đã phải trải qua một quá trình từ những thay đổi về nhận thức đến những thay đổi về cách thức tổ chức thực hiện.

Trong kháng chiến chống Pháp, tuy khẩu hiệu “Người cày có ruộng” chưa được thực hiện triệt để nhưng những cải cách dân chủ từng phần như giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của tư bản thực dân, địa chủ phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng công... đã từng bước cải thiện đời sống cho nhiều hộ nông dân, đặc biệt là các hộ tá điền. Một số hộ nhờ có cải cách dân chủ từng phần đã có đủ ruộng đất để cày cấy, không phải đi cày thuê, cấy rẽ nữa.

Trong thời kỳ khôi phục kinh tế 1955-1957, Đảng và Nhà nước đã có hai quyết sách quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp:

1) Tiếp tục thực hiện triệt để khẩu hiệu “Người cày có ruộng”, đem lại ruộng đất cho hàng triệu hộ nông dân. Nông thôn miền Bắc trở nên thuần nhất với hàng loạt các hộ tiểu nông có mức sở hữu ruộng đất và qui mô canh tác gần như nhau, dựa chủ yếu vào sức lao động của gia đình, sản xuất tự cung tự cấp là chính với kinh nghiệm quản lý và kỹ thuật canh tác hầu như chưa thay đổi.

2) Duy trì và phát triển kinh tế hộ tự chủ (các hộ được đảm bảo quyền sở hữu ruộng đất, được tự do thuê mướn nhân công, tự do vay mượn, khuyến khích khôi phục và phát triển nghề phụ gia đình...) kết hợp với việc phát huy sức mạnh cộng đồng thông qua các hình thức hợp tác giản đơn như tổ đổi công.

Nhờ vậy, các hộ nông dân hình thành sau cải cách ruộng đất trở thành đơn vị kinh tế tự chủ và là hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp. Đây là hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp (lao động cụ thể

^(*) PGS.TS Khoa Sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

của từng gia đình có điều kiện gắn bó mật thiết với đất đai, cây trồng, vật nuôi để kịp thời ứng phó với những thay đổi bất thường của thời tiết và đòi hỏi của cây trồng, vật nuôi trong quá trình sinh trưởng). Hình thức tổ chức theo từng hộ gia đình còn phù hợp với tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất (nông nghiệp nước ta phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ, ruộng đất manh mún, lao động thủ công, sản xuất tự cung, tự cấp...nên chưa đòi hỏi hợp tác ở trình độ cao).

Do hình thức tổ chức sản xuất phù hợp nên trong những năm 1955-1957, tuy nhà nước chưa đầu tư nhiều cho nông nghiệp nhưng kết quả sản xuất nông nghiệp đã tăng lên rõ rệt so với năm 1939-năm được mùa nhất trước cách mạng tháng Tám (tính bình quân trong 3 năm khôi phục kinh tế, sản lượng lương thực tăng 57%, năng suất bình quân 1 vụ tăng 30,8%, lương thực bình quân nhân khẩu đạt 303 kg, tăng 43,6%.) [2, tr.28]

Sự phát triển của sản xuất nông nghiệp trong thời kỳ này chủ yếu do tinh thần làm chủ của nông dân được phát huy sau những thay đổi lớn lao về chế độ chính trị, về quyền sở hữu ruộng đất, về mô hình tổ chức sản xuất phù hợp.

Lẽ ra mô hình tổ chức sản xuất này phải được củng cố, hoàn thiện, nâng cao tính hợp lý của nó. Nhưng đáng tiếc là kinh tế hộ tự chủ lại chỉ được phép tồn tại một thời gian ngắn giống như bước đệm để tiến tới xây dựng mô hình tổ chức sản xuất được coi là cao hơn- hợp tác trên cơ sở tập thể hoá.

Đương nhiên kinh tế hộ trong thời kỳ này cũng có những điểm hạn chế của nó. Chẳng hạn như qui mô ruộng đất quá nhỏ, manh mún; sản xuất mang nặng tính tự cung tự cấp; kỹ thuật sản xuất lạc hậu...đặc biệt là tình trạng manh mún về ruộng đất cản trở quá trình cải tạo đất, tiến hành công tác thủy lợi, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật...Mặt khác, sản xuất nhỏ của kinh tế hộ có khả năng dẫn đến sự phân hoá về mức thu nhập giữa hộ làm ăn giỏi với những hộ không có kinh nghiệm sản xuất hoặc gặp những rủi ro bất thường trong cuộc sống. Trên thực tế, một số nơi sau cải cách ruộng đất đã có sự phân hoá giàu nghèo ở mức độ nhất định. Điều đó trái với mục tiêu công bằng xã hội của chúng ta và trong tương lai có thể dẫn đến những bất công lớn hơn, thậm chí theo quan niệm cũ những bất công này có thể tạo mảnh đất tốt để chủ nghĩa tư bản phát triển (sản xuất nhỏ hàng ngày, hàng giờ để ra chủ nghĩa tư bản). Vì thế việc ngăn chặn con đường phát triển tự phát của sản xuất nhỏ, đẩy nhanh tốc độ xây dựng nền sản xuất lớn XHCN được coi là nhiệm vụ hết sức trọng yếu của cách mạng lúc đó.

Để thực hiện nhiệm vụ này, từ năm 1958, chủ trương tập thể hoá thông qua việc phát triển nhanh các hợp tác xã, thậm chí bằng mệnh lệnh hành chính đã được thực hiện đồng loạt ở nông thôn. Những yếu tố tích cực của tập thể hoá, tạo khả năng khắc phục những hạn chế của kinh tế hộ được nhận thức và vận dụng một cách giản đơn duy

ý chí, thậm chí có nơi có lúc, những mặt tích cực này bị thời phong, cường điệu hoá. Ngược lại, những điểm không phù hợp của các HTX lại không được xem xét một cách khoa học. Thậm chí vào hay không vào HTX không chỉ là sự lựa chọn hình thức hợp tác trong sản xuất mà còn được coi là một tiêu chí để phân biệt thái độ chính trị của mỗi người đối với đường lối xây dựng CNXH mà Đảng vạch ra.

Theo quan niệm về tập thể hoá thời kỳ bấy giờ thì bằng cách tập hợp nhiều hộ nông dân cá thể vào những đơn vị tập thể, biến sở hữu riêng thành sở hữu chung đối với tư liệu sản xuất, sẽ tạo khả năng tập trung vốn đầu tư, tập trung sức lao động để cải tạo đồng ruộng, làm thủy lợi, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ nhau trong sản xuất đồng thời xoá bỏ được sự phân hoá về thu nhập dẫn đến sự phân hoá về xã hội. Điều đó không phải không có khía cạnh hợp lý, song mô hình tổ chức mới về căn bản là không phù hợp với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp, không phù hợp với tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong nông thôn, nông nghiệp lúc bấy giờ và không những không phát huy được những lợi thế vốn có của kinh tế hộ, mà còn hạn chế, triệt tiêu những lợi thế đó.⁽¹⁾

Quá trình hợp tác hoá nông nghiệp diễn ra đồng thời với quá trình kinh tế hộ mất đi vai trò tự chủ. Hộ gia đình không còn vai trò gì đối với việc quản lý đất đai, điều hành tổ chức sản xuất, phân phối sản phẩm thu hoạch được. Kinh tế hộ bị thu hẹp lại trong phạm vi kinh tế “phụ” gia đình trên mảnh đất 5%.

Trên thực tế, mặc dù bị hạn chế như vậy nhưng kinh tế “phụ” gia đình vẫn khẳng định sức sống và vai trò to lớn của nó khi đảm đương từ 50 đến 60% [5, tr.18] tổng thu nhập của các hộ xã viên. Sức sống và vai trò to lớn của kinh tế gia đình còn được thể hiện ở sự trở dậy của hình thức khoán hộ bất chấp sự ngăn cản. Sự trở dậy không phải chỉ một lần và không phải ở một địa phương, dần dần trở thành phổ biến ở nhiều địa phương, thể hiện nhu cầu bức xúc phải được thừa nhận, đánh giá đúng với bản chất của nó.

Sau năm 1975, công tác cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam không thành công càng làm bộc lộ sự bất hợp lý của mô hình hợp tác hoá-tập thể hoá đồng thời càng khẳng định tính tất yếu, hợp qui luật của kinh tế hộ. Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp mà về bản chất là phục hồi và phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ trở nên bức xúc hơn.

Chỉ thị 100 CT/TW được coi là bước đột phá đầu tiên vào mô hình hợp tác hoá-tập thể hoá. Bước đột phá này tạo ra một số biến đổi mà sự biến đổi quan trọng nhất là xác

⁽¹⁾ Chủ trương hợp tác hoá nông nghiệp còn xuất phát từ nhận thức về cải tạo XHCN theo mô hình các nước đi trước như Liên Xô, Trung Quốc và yêu cầu cấp bách của việc phải củng cố miền Bắc trở thành hậu phương lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

lập lại vai trò của hộ gia đình xã viên trong quá trình sản xuất. Quá trình xác lập vai trò tự chủ của kinh tế hộ nông dân trong nông thôn, nông nghiệp có thể chia thành 3 giai đoạn:

Từ 1981 đến 1988: vai trò tự chủ của hộ xã viên bước đầu được xác lập lại, tuy mức độ còn rất hạn chế, sự thay đổi dù chưa căn bản nhưng đã biểu hiện trên cả 3 phương diện:

Về quan hệ sở hữu-sử dụng ruộng đất: ruộng đất vẫn thuộc sở hữu tập thể nhưng sau một thời gian dài tồn tại của HTXNN, lần đầu tiên ruộng đất được giao khoán cho các hộ.

Về phương thức quản lý, ở một số khâu (cấy trồng, chăm sóc, thu hoạch), lao động cá thể của hộ gia đình đã thay thế cho lao động tập thể.

Về phương thức phân phối, phương thức phân phối theo kết quả lao động cuối cùng đã thay thế một phần cho phương thức phân phối theo công điểm.

Chính vì vậy, cải tiến quản lý theo tinh thần của Chỉ thị 100 CT/TW không đơn giản chỉ là sự cải tiến hình thức khoán như trước đây. Bước chuyển từ khoán việc sang khoán sản phẩm, từ khoán đội đến khoán hộ gia đình ở một số khâu chính là *bước quá độ từ kiểu quản lý và tổ chức sản xuất tập thể của các HTX sang phát huy quyền tự chủ của từng hộ xã viên.*

Về mặt lý luận, Chỉ thị 100 CT/TW và các Chỉ thị, Nghị quyết tiếp theo của Đảng là bước đột phá đầu tiên hết sức quan trọng để vượt lên những quan niệm cũ về nội dung hợp tác hoá nông nghiệp. Trong đó, việc đánh giá lại vị trí, vai trò của hộ xã viên là nội dung quan trọng nhất.

Về mặt thực tiễn, cơ chế khoán mới đáp ứng nhu cầu bức xúc của thực tiễn nên đi vào cuộc sống rất nhanh, phát huy hiệu quả cũng rất nhanh, góp phần chặn đứng xu hướng giảm sút liên tục của sản xuất nông nghiệp trong những năm 1976-1980. Năng suất, sản lượng, tốc độ tăng trưởng trong nông nghiệp sau khi thực hiện khoán 100 đều tăng lên so với trước. Bình quân lương thực đầu người đã trở lại mức trên 300 kg/năm-mức mà trong suốt thời kỳ tồn tại, HTXNN đã không làm được.

Điều quan trọng nhất là thành tựu của sản xuất nông nghiệp trong những năm đầu thập niên 80 chứng minh đổi mới theo hướng từng bước trả lại quyền tự chủ cho hộ xã viên là hướng đi đúng, phù hợp, có khả năng tạo nên sự chuyển biến căn bản.

Tuy nhiên, sau một thời gian phát huy tác dụng, động lực vượt khoán dần dần bị triệt tiêu. Nguyên nhân chính là hộ xã viên mới được xác lập một phần quyền tự chủ. Trong nông thôn, nông nghiệp, HTXNN với phương thức quản lý tập thể hoá vẫn đóng vai trò quyết định, chi phối.

Từ 1988 đến 1993: kinh tế hộ nông dân trở thành đơn vị kinh tế tự chủ.

Sau năm 1986, với những chủ trương đổi mới của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, công cuộc đổi mới kinh tế đã có bước tiến đồng bộ, căn bản. Xuất phát từ đổi mới tư duy kinh tế: chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN, các chính sách kinh tế vĩ mô lần lượt được thực hiện như chính sách giá thị trường, chính sách tự do hoá lưu thông, đổi mới chính sách kế hoạch hoá, tiến hành chống lạm phát...Thực hiện đồng thời với các chính sách kinh tế vĩ mô nêu trên là việc tăng cường quyền tự chủ cho các đơn vị kinh tế cơ sở.

Đối với kinh tế nông nghiệp, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 10 (4/1988) về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp tiếp đó là Nghị quyết Hội nghị TW 6 (khoá VI)... hộ xã viên được chính thức thừa nhận là *đơn vị kinh tế tự chủ*. Quyền tự chủ của hộ xã viên được xác định trên 3 phương diện với mức độ cao:

Về tư liệu sản xuất, hộ được nhận khoán ruộng đất ổn định dài hạn trong khoảng 10-15 năm, không bị hạn chế việc mua sắm tư liệu sản xuất khác.

Về tổ chức sản xuất, hộ xã viên được tự chủ trong toàn bộ quá trình sản xuất.

Về phân phối, hình thức phân phối theo kết quả lao động cuối cùng của từng hộ xã viên thay thế cho hình thức phân theo công điểm của HTX trước đây. Hộ xã viên được quyền tự do sử dụng số sản phẩm còn lại, sau khi đóng thuế, góp quỹ, trả công dịch vụ cho HTX. Chế độ phân phối này có ý nghĩa khi thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được mở rộng ở cả trong nước, ngoài nước; giá cả nông sản, kể cả lương thực là do thị trường quyết định.

Cũng giống như miền Bắc sau cải cách ruộng đất, ở nông thôn nước ta sau khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đã hình thành hàng loạt các hộ nông dân⁽¹⁾ tự chủ về kinh tế nhưng sự khác nhau căn bản là các hộ nông dân thời kỳ này không thuần nhất như các hộ nông dân thời kỳ tiền hợp tác xã mà đã có sự khác nhau về loại hình, về cơ cấu ngành nghề, về năng lực sản xuất và khả năng thu nhập. Các hộ nông dân đang có xu hướng vượt khỏi tình trạng tự cung, tự cấp, trở thành hộ sản xuất hàng hoá.

Việc xác định vai trò kinh tế tự chủ của hộ nông dân và thực hiện vai trò đó trong thực tế đã dẫn đến kết quả *hộ nông dân là đơn vị kinh tế chủ yếu ở nông thôn*, thay thế

⁽¹⁾ Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp đã dẫn đến sự thay đổi mô hình hợp tác, khác về căn bản so với mô hình hợp tác hoá-tập thể hoá trước đây. Các hộ gia đình có quyền lựa chọn hình thức hợp tác phù hợp với gia đình mình. Trong nông thôn có hộ xã viên, có hộ cá thể. Kinh tế của các hộ gia đình độc lập với kinh tế hợp tác. Ví thế, khái niệm hộ gia đình xã viên không phù hợp nữa. Khái niệm kinh tế hộ, kinh tế hộ nông dân được dùng với nội hàm rộng hơn, đó chính là hoạt động sản xuất-kinh doanh-dịch vụ do các thành viên trong hộ thực hiện, dựa trên các nguồn lực của hộ là chính (vốn, tư liệu sản xuất, đất đai, sức lao động v.v...) và các thành quả được tạo ra chủ yếu thuộc sở hữu của hộ.

cho vai trò độc tôn của các HTXNN trước đây. Vai trò đơn vị kinh tế chủ yếu thể hiện ở chỗ hộ nông dân là hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp, cung cấp đại bộ phận nông sản phẩm cho xã hội.

Những thay đổi về vị trí, vai trò của kinh tế hộ đã khơi dậy các tiềm năng to lớn mà bấy lâu nay chưa được phát huy của các hộ nông dân. Kinh tế nông nghiệp cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 lại tiếp tục phát triển, phần lớn là nhờ vào sự năng động của kinh tế hộ. Năm 1989, lần đầu tiên sau nhiều năm luôn ở trong tình trạng thiếu lương thực, Việt Nam không những đáp ứng đủ nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu được gạo.

Nhìn chung, cơ chế khoán 100, khoán 10, đã từng bước giải phóng lực lượng sản xuất khỏi những trói buộc của cơ chế cũ; từng bước làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Cụ thể là đã xác định đúng vị trí, vai trò của kinh tế hộ, mối quan hệ giữa kinh tế hộ và kinh tế hợp tác cùng với những thay đổi trong chính sách kinh tế vĩ mô nhằm chuyển sang cơ chế thị trường định hướng XHCN. Thực tế chứng minh, công cuộc đổi mới với nội dung trên không phải dễ dàng. Đó là kết quả của cuộc đấu tranh để thay đổi nhận thức về một mô hình tổ chức sản xuất phù hợp, để tổ chức thực hiện thành công mô hình đó trong cuộc sống. Thực tế cũng chứng minh kết quả của đổi mới trong nông nghiệp là rất to lớn. Nông nghiệp được coi là lĩnh vực tiến hành đổi mới sớm và thành công nhất so với các ngành kinh tế khác.

Nhưng nếu dừng ở đây thì nông nghiệp không thể tiếp tục phát triển, kinh tế hộ dù được quyền tự chủ nhưng cũng không thể phát huy vai trò tự chủ của mình một cách tích cực. Do vậy, Đảng và Nhà nước đã tiếp tục tìm hướng đi mới để đẩy mạnh công cuộc đổi mới trong nông nghiệp, nông thôn. Đó chính là chủ trương đổi mới nông nghiệp gắn với thực hiện công nghiệp hoá-hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Tư tưởng đổi mới này được đề ra từ Hội nghị TW 5, khoá VII (năm 1993)⁽¹⁾ và được tổ chức thực hiện từ đó cho đến nay.

Từ 1993 đến nay: *quyền tự chủ của hộ nông dân được nâng cao gắn với nhiệm vụ thực hiện công nghiệp hoá-hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.*

Đối với ruộng đất, nông dân từ chỗ được giao khoán ruộng đất ổn định, lâu dài, thì từ sau khi có Luật đất đai sửa đổi (1993), các hộ nông dân được giao chính thức và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất ổn định, lâu dài, được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất. Đó là một bước tiến dài trong quá trình tìm tòi một hình thức sở hữu-sử dụng ruộng đất phù hợp

⁽¹⁾ Hội nghị TW 5 khoá VII đã ra Nghị quyết về "Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn"

đồng thời cũng đánh dấu quyền tự chủ của hộ nông dân ở mức cao hơn đối với ruộng đất. Với hình thức này, đất đai về pháp lý được coi là thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý nhưng quyền hạn của người sử dụng đã khác trước một cách căn bản. Trong thời hạn được giao đất, hộ nông dân có quyền sử dụng ruộng đất rộng rãi gắn với quyền sở hữu và quyền đó được pháp luật thừa nhận. Sau 3 thập niên tập thể hoá, ruộng đất lại trở về với người nông dân, thực sự gắn với người nông dân. Nhờ vậy, hộ nông dân yên tâm hơn trong việc chăm sóc cải tạo đất đai, mạnh dạn thay đổi cơ cấu cây trồng và điểm mới so với giai đoạn trước là nông dân gắn với ruộng đất nhưng không bị trói buộc vào ruộng đất. Hộ nông dân có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tập trung vốn để đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

Sau khi có Luật Đất đai năm 1993, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 về việc giao đất cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Thực hiện Luật Đất đai và Nghị định của Chính phủ, các cấp, các ngành và chính quyền địa phương trong cả nước đã tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho nông dân. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Địa chính, đến cuối tháng 12/1998, các địa phương đã cơ bản hoàn thành giao đất nông nghiệp cho tổ chức và hộ gia đình sử dụng. Cả nước có khoảng trên 8 triệu ha đất nông nghiệp đang được khai thác và sử dụng, trong đó đã giao cho các hộ gia đình là 7 triệu ha, các tổ chức kinh tế là 700.000 ha, UBND xã quản lý 300.000 ha [1, tr.4]. Trên cơ sở đó, các địa phương tích cực tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cuối năm 1999, cả nước đã cơ bản hoàn thành việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, đã có 10.417.437 hộ nông dân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 5.852.750 ha, chiếm 88,55% về số hộ và 81,79% về diện tích đất nông nghiệp được giao [4, tr.6]. *Hộ nông dân trở thành những đơn vị quản lý và sử dụng phần lớn đất đai nông nghiệp.*

Để khắc phục tình trạng phân tán, manh mún về ruộng đất, trong quá trình thực hiện giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một số địa phương đã tập trung chỉ đạo tuyên truyền, hướng dẫn và đầu tư cho nông dân chuyển đổi ruộng đất kết hợp với công tác quy hoạch lại hệ thống kênh mương và đường giao thông nội đồng, đồng thời bê tông hoá hệ thống thuỷ lợi. Một số tỉnh triển khai tốt công tác này như Hà Tây, Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh... Từ chỗ mỗi hộ có từ 15 đến 25 thửa đất, sau khi chuyển đổi mỗi hộ sử dụng đất chỉ còn từ 3 đến 5 thửa [4, tr.7]. Đây là điều kiện thuận lợi để tiến tới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng thửa đất. Nhưng quan

trọng hơn là tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nông dân tổ chức sản xuất có hiệu quả kinh tế và tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành hiện đại hoá nông nghiệp.

Cùng với chính sách về ruộng đất, những chính sách kinh tế vĩ mô khác (chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp, chính sách tín dụng đối với các hộ sản xuất, chính sách khoa học công nghệ và khuyến nông, chính sách lưu thông nông sản và vật tư nông nghiệp...) cũng tạo điều kiện để các hộ nông dân phát huy được *quyền tự chủ trong toàn bộ quá trình sản xuất nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực sản xuất hàng hoá và hiệu quả kinh tế*. Trong những năm gần đây, các hộ nông dân đã chủ động mua sắm máy móc, vật tư nông nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; đầu tư mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh hoặc dồn vốn liếng chuyển sang kinh doanh ngành nghề mới. Cơ cấu cây trồng chuyển biến theo hướng tiến bộ: giảm tỷ lệ đất trồng cây hàng năm; tăng đất trồng cây ăn quả, cây đặc sản, cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao; tăng diện tích nuôi trồng thủy, hải sản... Những thành tựu bước đầu về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn như cơ giới hoá, thủy lợi hoá, hoá học hoá, công nghiệp dịch vụ, cơ sở hạ tầng nông thôn... đã tạo điều kiện để các hộ nông dân mạnh dạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng chuyển sang hoạt động phi nông nghiệp. Các cơ sở công nghiệp, TTCN được xây dựng, các làng nghề truyền thống được khôi phục, phát triển. Vì vậy, tuy số hộ nông nghiệp vẫn chiếm đa số nhưng tỷ lệ hộ phi nông nghiệp như hộ tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ... đã tăng lên (chiếm 12,1% tổng số hộ ở nông thôn - chỉ tính hộ đã chuyển sang hoạt động phi nông nghiệp, không tính hộ kiêm ngành nghề)⁽¹⁾

Do được quyền tự chủ sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường nên đa số số hộ nông dân, tuy qui mô sản xuất còn nhỏ nhưng đang tích cực chuyển sang hướng sản xuất hàng hoá, tính tự cấp, tự túc đang được thu hẹp. Đáng lưu ý là ở nông thôn đã xuất hiện một bộ phận nông dân nhờ có vốn, có kinh nghiệm sản xuất, có năng lực kinh doanh, bước đầu tiếp cận được với thị trường, đã mạnh dạn tích tụ ruộng đất, mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá. Chính bộ phận này đã tạo nên hệ thống trang trại ở nước ta. Đây cũng là kết quả của quá trình khẳng định vai trò tự chủ của kinh tế hộ. Sau khi có Nghị quyết 03/2000 NQ-CP của Chính phủ về kinh tế trang trại thì số lượng trang trại tăng lên (năm 2000: 55.852 trang trại,

⁽¹⁾ Theo số liệu của trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ NN & PTNT - năm 2000 (được trích dẫn trong phần phụ lục của báo cáo "Tổng kết kinh tế hợp tác và kinh tế HTX 1996-2000. Phương hướng nhiệm vụ thời kỳ 2001-2010" do Ban chỉ đạo TW Tổng kết kinh tế hợp tác và HTX soạn thảo), cả nước có khoảng 14,5 triệu hộ, trong đó có 11, 27 triệu hộ (chiếm 77,7%) ở nông thôn và 3, 23 triệu hộ (chiếm 22,3%) ở thành thị. Trong số các hộ ở nông thôn có tới 87,9% tổng số hộ (9, 9 triệu hộ) sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả nông, lâm, ngư nghiệp), hoặc nông nghiệp kiêm ngành nghề; 12,1% tổng số hộ (1,36 triệu hộ) đã chuyển hẳn sang hoạt động phi nông nghiệp, trong đó 2,6% hộ hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông-lâm-thủy sản, 3,8% sản xuất CN-TTCN, 5,7% hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

cuối năm 2001: 60.758 trang trại⁽¹⁾) [3, tr.22]. Có nhiều thành phần tham gia mô hình kinh tế trang trại nhưng chủ yếu vẫn là trang trại hộ gia đình nông dân. Các trang trại đang chuyển từ trồng cây hàng năm sang trồng cây lâu năm, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản (trang trại trồng cây hàng năm chiếm 35,9%, trồng cây lâu năm chiếm 27,3%, chăn nuôi chiếm 2,9%, nuôi trồng thủy sản chiếm 27,9%) [3, tr.22]. Tính chất sản xuất hàng hoá của kinh tế trang trại khá cao, 92,6% tổng thu của các trang trại là do bán hàng hoá và dịch vụ. Đó là biểu hiện của sự phát triển ở trình độ cao của kinh tế hộ tự chủ, hơn hẳn kinh tế hộ tự chủ thời kỳ tiền hợp tác xã (1955-1957) cũng như hơn hẳn kinh tế hộ tự chủ trong các giai đoạn trước (1981-1988; 1988-1993).

Như vậy, từ khi được xác lập là đơn vị kinh tế hộ tự chủ, kinh tế hộ nông dân đã có bước phát triển mới và chính sự phát triển này đã góp phần tích cực tạo nên diện mạo mới của sản xuất nông nghiệp trong những năm qua. Tuy nhiên, để có thể tiếp tục phát huy vai trò tự chủ của mình trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường thì hiện nay kinh tế hộ đang gặp rất nhiều khó khăn. Những vướng mắc về qui hoạch sản xuất, về thị trường, về chế biến tiêu thụ nông sản, về vốn đầu tư...vẫn tiếp tục đòi hỏi phải tháo gỡ. Song ít nhất thì từ thực tiễn lịch sử, từ kinh nghiệm đổi mới ở trong, ngoài nước, chúng ta có cơ sở để kết luận rằng các giải pháp đã và sẽ áp dụng không phải nhằm làm suy giảm vai trò của kinh tế hộ nông dân, mà là để đổi mới, nâng cao hơn nữa vai trò tự chủ của kinh tế hộ, phát huy cho được tiềm năng còn rất to lớn của kinh tế hộ trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng XHCN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Bồng, Tiếp tục phấn đấu hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, *Tạp chí Địa chính*, số 1(1999).
2. Nguyễn Sinh Cúc, Quan hệ ruộng đất ở nông thôn: 55 năm nhìn lại, *Tạp chí Nghiên cứu lý luận*, số 9(2000).
3. Nguyễn Quán, Kinh tế trang trại phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, *Tạp chí Thông tin Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam*, số 130, tháng 7 (2002).
4. Tình hình thực hiện trên cả nước về giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp (trích Báo cáo tổng kết của Tổng cục Địa chính), *Tạp chí Địa chính*, số 4(2000).

⁽¹⁾ Theo các số liệu cũ thì cả nước có khoảng 130.000 hộ làm kinh tế trang trại nhưng số liệu sử dụng trong bài viết này là dựa vào cách tính theo tiêu chí mới do Tổng cục Thống kê và Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố tháng 6/2000.

5. Chu Văn Vũ (chủ biên), *Kinh tế hộ trong nông thôn Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XVIII, N₀4, 2002

THE PROCESS AFFIRMING THE CREATIVE ROLE OF THE ECONOMIC FARMER FAMILY IN VIETNAMESE COUNTRY AND AGRICULTURE

Assoc. Prof. Dr. Truong Thi Tien

Department of History

College of Social Sciences & Humanities - VNU

Farmer family played a creative role in economy, but the role is refused in the period of the existance of the model for cooperativization – collectivization.

Since 1981, the process for recovering and developing the creative role of economic families in produce and in business has been carried out. The development of the economic farmer family has created a new face for the Vietnamese agricultural economy.